

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NÔ  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09 -9 -2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn, tranh  
chấp về cấp dưỡng”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đình Bông; Ông Hồ Quang Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vi Thế Nam – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Tuấn Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2021, về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Minh T, sinh năm 1996 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Duy T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 23/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Minh T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Minh T và anh Huỳnh Duy T kết hôn ngày 14/11/2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị T và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T nhiều lần nhậu say về chửi bới, đập phá đồ đạc và đánh chị T, cuộc sống hôn nhân rất căng thẳng nên chị T và anh T không còn chung sống từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Hiện nay

mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Duy T.

- *Về con chung*: Chị Phạm Thị Minh T và anh Huỳnh Duy T có 01 con chung là Huỳnh Duy L, sinh ngày 26/7/2019. Chị T có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến tuổi trưởng thành. Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng hàng tháng cho con, mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Phạm Thị Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Duy T trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Minh T và anh Huỳnh Duy T kết hôn ngày 14/11/2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2020 thì xảy ra xích mích, sau đó chị T bỏ đi Tỉnh Bình Dương làm việc cho đến nay. Anh T thấy những mâu thuẫn đó chỉ là mâu thuẫn bình thường trong gia đình, chưa trầm trọng. Anh T vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn

- *Về con chung*: Chị Phạm Thị Minh T và anh Huỳnh Duy T có 01 con chung là Huỳnh Duy L, sinh ngày 26/7/2019 hiện đang sống cùng chị T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh T đồng ý giao con cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến tuổi trưởng thành. Anh T đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho con, mỗi tháng 2.000.000 đồng theo yêu cầu của chị T.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Huỳnh Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng*: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị Phạm Thị Minh T và anh Huỳnh Duy T chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tuyên xử: Chị Phạm Thị Minh T được ly hôn anh Huỳnh Duy T.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung là Huỳnh Duy L, sinh ngày 26/7/2019 cho chị Phạm Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho con, mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết về con chung, cấp dưỡng. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng*”. Bị đơn anh Huỳnh Duy T có nơi cư trú tại Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Huỳnh Duy T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T hợp lệ nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh T và anh Huỳnh Duy T kết hôn ngày 14/01/2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Minh T, sau khi kết hôn vợ chồng chị T và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, lối sống. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị T không còn tình cảm với anh T. Chị T và anh T đều thừa nhận vợ chồng đã không chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông nơi chị T và anh T sinh sống cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh T chính quyền không nắm được có mâu thuẫn hay không.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị T và quan điểm của đại diện VKSND huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Minh T là có cơ sở nên cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị Phạm Thị Minh T và anh Huỳnh Duy T có 01 con chung là Huỳnh Duy L, sinh ngày 26/7/2019. Chị T có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến tuổi trưởng thành.

Xét yêu cầu được nuôi con chung Huỳnh Duy L của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy, chị T là mẹ ruột của cháu L, từ thời điểm vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2020 cho đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đến ngày xét xử cháu L được 02 tuổi 01 tháng 13 ngày, cần có sự chăm sóc của mẹ để phát triển toàn diện, tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.*”

Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là Huỳnh Duy L cho chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu Huỳnh Duy L, sinh ngày 26/7/2019, mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: “*...2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con...*”.

Tại khoản 1 Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*1. Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con..*”.

Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên...*”

Xét thấy anh T là người đang còn tuổi lao động, đây là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, anh T phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung  $\frac{1}{2}$  số tiền theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 1/7/2019 của Chính Phủ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh T đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Huỳnh Duy L, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận một phần yêu cầu của chị T, buộc anh T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/1 tháng cho cháu Huỳnh Duy L, sinh ngày 26/7/2019 đến khi đủ 18 tuổi và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T, anh T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Anh Huỳnh Duy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh T được ly hôn anh Huỳnh Duy T.

2. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung là Huỳnh Duy L, sinh ngày 26/7/2019 cho chị Phạm Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Huỳnh Duy T cấp dưỡng hàng tháng cho con Huỳnh Duy L, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn chị T, anh T có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Minh T và anh Huỳnh Duy T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004095 ngày 23/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô; Anh Huỳnh Duy T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Võ Thị Nhi**